PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU

TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

----------*---*---*----------

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 – 2025

Họ và tên giáo viên: Trần Bảo Phượng

Phạm Thị Kim Oanh

Nhóm, lớp: 3 tuổi D

Cơ sở giáo dục: Mầm non Kim Sơn

Thị xã Đông Triều - Quảng Ninh

Năm học 2024 – 2025

TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN
LỚP MẪU GIÁO 3 TUỔI D

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kim Sơn, ngày 21 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 - 2025
LỚP MG 3 – 4 TUỔI D

Số lượng trẻ trong nhóm/lớp: 20 trẻ
Số giáo viên/nhóm lớp, tên giáo viên: 2 cô (Trần Bảo Phượng – Phạm Thị Kim Oanh)
Căn cứ số 235/KH-MNKS "Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 ngày 20 tháng 8 năm 2024 trường Mầm non Kim Sơn
Căn cứ tình hình thực tế của lớp và địa bàn Phường Kim Sơn, Lớp MG 3 Tuổi B xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

1. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ:

1.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mục tiêu cụ thể	Nội dung
Tổ chức ăn, uống	
MT1: Trẻ được ăn theo Chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường. Đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định (Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal) Trẻ được uống đủ nước phù hợp với độ tuổi (khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).	- Trẻ được ăn đủ bữa ăn (bữa chính và một bữa phụ_) - Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. - Bữa phụ cung cấp khoảng 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa - Nước uống thường xuyên trong ngày (nước chín) - Nước uống trong thức ăn

	- Có nước máy, nước lọc cho trẻ sử dụng, mùa đông trẻ được uống nước ấm ủ trong bình
Tổ chức ngủ	
MT2: Trẻ được ngủ theo nhu cầu của độ tuổi (ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút)	- Ngủ trưa đúng giờ, ngủ đủ giấc, ngủ an toàn(150p)
Vệ sinh	
MT3: Trẻ được vệ sinh cá nhân sạch sẽ, thường xuyên Môi trường chăm sóc, giáo dục trẻ thường xuyên được đảm bảo vệ sinh	- Rửa tay (trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... Rửa mặt khi trẻ ngủ dậy, khi có nhu cầu - Trẻ đi vệ sinh theo nhu cầu, đúng nơi quy định. - Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. - Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải ngày/lần
Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
MT4: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. phòng chống SDD và béo phì.	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). - Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì
MT5: Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp. Tiêm chủng theo quy định.Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (… các bệnh theo mùa, …) - Theo dõi tiêm chủng theo chương trình của Y tế, uống các loại vi ta min - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp

1.2.Nội dung giáo dục:

Mục tiêu giáo dục năm học (kết quả mong đợi)	Nội dung giáo dục năm học
Lĩnh vực phát triển thể chất	
Phát triển vận động	
MT6: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A + Trẻ trai: Cân nặng: 12,7 – 21,1kg Chiều cao: 94,9 – 111,7cm + Trẻ gái: Cân nặng: 12,3 – 21,5kg Chiều cao: 94,1 – 111,3	*- Quyền được chăm sóc sức khỏe*: + Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. + Cân trẻ 3 tháng 1 lần. + Đo trẻ 3 tháng 1 lần + Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học *(Dự kiến tháng 10/2024 khám lần 1; tháng 3/2025 khám lần 2)*
Thực hiện được các động tác phát triển cơ và hô hấp	
MT7: Thực hiện đủ các động tác trong bài tập theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên. Co duỗi chân + Bật tại chỗ

Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	
MT8: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi	- Đi kiễng gót(Đi kiễng gót liên tục 3 m) - Đi trong đường hẹp (Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m)
MT9: Trẻ kiểm soát được vận động đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đi đổi hướng theo đường dích dắc.	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc
MT10: Trẻ kiểm soát được vận động chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, theo hướng díc dắc	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc
MT11:Trẻ có thể chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm zíc zắc) không chệch ra ngoài	- Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.
MT12 : Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong trong vận động chạy liên tục theo hướng thẳng	-Chạy 15 m liên tục theo hướng thẳng
MT13: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động ném	- Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay (Ném trúng đích nằm ngang xa 1,5m)
MT14; Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động chuyền bắt bóng	- Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.
MT15: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động Lăn, Đập, Tung bắt bóng	- Lăn và bắt bóng với cô - Đập và bắt bóng (Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm). - Tung bắt bóng với cô (Bắt được 3 lần liên tục không rơi bóng (khoảng cánh 2,5 m)
MT16: Trẻ biết phối hợp các vận động tay, chân, cơ thể trong vận động bò	- Bò theo hướng thẳng, bò zíc zắc - Bò chui qua cổng. - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m)
MT17 : Trẻ có thể khéo léo bò trong đường hẹp không chệch ra ngoài	
MT18: Trẻ biết phối hợp các vận động tay, chân, cơ thể trong vận động trườn	- Trườn theo hướng thẳng, - Trườn về phía trước.
MT 19: Trẻ có thể bước lên, xuống bục cao (cao 30cm).	- Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm).
MT 20: Trẻ thực hiện bật xa tối thiểu 25 cm	- Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20-25 cm
MT21 : Trẻ có thể thực hiện 2 vận động cơ bản theo khả năng hoặc theo yêu cầu.	- Kết hợp thực hiện 2 vận động cơ bản không cùng dạng. - Bài tập tổng hợp
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt	
MT22: - Trẻ biết thực hiện các vận động của bàn tay, ngón tay	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Xoay tròn cổ tay
MT23: Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	- Đan (len, dây duy băng, giấy..), tết (tóc, len, dây duy băng..). - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Tự cài, cởi cúc. - Vẽ hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng một đoạn 10cm

Giáo dục dinh dưỡng	
Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	
MT24: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau…)	- Gọi tên, nhận biết của một số loại rau củ, quả, thực phẩm quen thuộc mà trẻ biết(Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)
MT25: Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau…	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc
MT26: Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất *- Trẻ tham gia bày tỏ ý kiến món ăn yêu thích và món ăn không thích của mình*
Thực hiện một số việc tự phục vụ cho sinh hoạt	
MT27: Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo… - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
MT28:Trẻ biết một số hành vi, thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn khi ăn. - Uống nước đã đun sôi.
MT29: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc, đúng cách.	- Sử dụng ca, cốc, bát thìa đúng cách
Có một số hành vi thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT30: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi….	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…
MT31: Có một hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Nhận biết trang phục theo thời tiết

	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm - Nói với người lớn khi đau, khi chảy máu
Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT32: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng…) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh xa phích nước nóng, ổ cắm điện, bếp đang nấu… - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
MT33: Biết tránh nơi không an toàn, nguy hiểm (hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi…) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm: ao, hồ, bể nước, giếng, hố vôi….
MT34: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật vật sắc nhọn gây nguy hiểm đến tính mạng - Không đùa cợt trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt… - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học	
MT35: Trẻ biết được các bộ phận của cơ thể con người	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể, *- Quyền của mỗi người trong việc quyết định ai được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được phép.*
MT36: Trẻ biết được một số phương tiện giao thông	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
MT37: Trẻ biết một số quy định giao thông dành cho	- Trò chuyện, đàm thoại về một số quy định đơn giản về

người đi bộ	luật giao thông đường bộ(đi trên vỉa hè và bên phải đường...) - Quan sát trò chuyện về những chỉ dẫn của một số biển báo giao thông đơn giản(Đèn hiệu giao thông)
MT38:Trẻ biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của các con vật	Tên gọi, đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật mà trẻ biết
MT39:Trẻ biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của các loại cây, hoa, quả quen thuộc	- Gọi tên, đặc điểm nổi bật và ích lợi của các loại cây, hoa, quả quen thuộc (rau ăn lá, rau ăn quả…)
MT40:Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ các loại cây, hoa, quả	- Quan sát: Trồng cây, gieo hạt, sự lớn lên của các loại cây - Cách chăm sóc và bảo vệ các loại cây, hoa, quả (tưới nước, bắt sâu nhổ cỏ, không bẻ cành …)
MT41:Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật	- Chăm sóc, bảo vệ các con vật (cho ăn, không đánh đập các con vật …)
MT42:Trẻ biết được môi trường sống của các con vật	- Biết được nơi sống của các con vật
MT43:Trẻ biết được môi trường sống của các loại cây, hoa, quả	- Biết được cây sống được cần có nước, đất, phân bón..)
MT44:Trẻ biết một số hiện tượng thiên nhiên	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Không khí, ánh sáng + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.
MT45:Trẻ nhận biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Mặt trời, mặt trăng
MT46:Trẻ biết được một số tính chất, đặc điểm của đất, đá, cát, sỏi.	- Phân biệt được từng nguyên liệu như đất đá, cát, sỏi. + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT 47: Trẻ nhận biết được ích lợi của nước trong sinh hoạt hàng ngày.	+ Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.
MT48:Trẻ tìm hiểu, quan sát và nhận xét đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng như: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay vật nổi, xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. - Phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.
MT49: Trẻ nhận được một số đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
MT50: Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình…	- Thể hiện được các vai của trò chơi đóng vai theo chủ đề, các hoạt động âm nhạc, tạo hình *- Trẻ được bày tỏ ý kiến của mình, tôn trọng lắng nghe ý kiến của các bạn, đoàn kết và hợp tác với bạn trong các trò chơi, các hoạt động âm nhạc, tạo hình.*
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán Nhận biết, đếm, số lượng	
MT51: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm theo khả năng *- Trẻ đếm số bằng tiếng anh theo khả năng*
MT52: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 *- Trẻ đếm số bằng tiếng anh trong phạm vi 5*
MT53: Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều *- So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 3* *- So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 4* *- So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5*
MT 54: Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm *- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 2* *- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 3*

	- *Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 4* - *Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5*
MT55: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.
Sắp xếp theo quy tắc	
MT56: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi - Xếp xen kẽ
- So sánh hai đối tượng	
MT57: Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn: dài hơn/ ngắn hơn: cao hơn/ thấp hơn: bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.
Nhận biết hình dạng	
MT58: Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình, hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để chắp ghép *Sử dụng hình tam giác, hình chữ nhật để chắp ghép.* *Sử dụng hình tròn, hình vuông để chắp ghép.*
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT59: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tưởng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải- tay trái của bản thân
Khám phá xã hội Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT60: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân - *Tất cả trẻ có giấy khai sinh và có quốc tịch, biết tên khai sinh khác tên thường ở nhà của mình.*

	- *Trẻ được tham gia các hoạt động trải nghiệm, ngày lễ hội, dã ngoại nhỏ, các hoạt động vui chơi ở lớp, trường hoặc địa phương tổ chức* - *Trẻ được bày tỏ ý kiến, sở thích cá nhân của mình.*
MT61: Trẻ nói được tên, của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố, mẹ, những người thân trong gia đình.
MT62: Trẻ biết được tên địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Tên địa chỉ gia đình của trẻ.
MT63: Trẻ nói được tên lớp/ tên trường, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường - *Quyền vui chơi, giải trí: Trẻ được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí trong lớp như HĐG, chơi tự do theo ý thích, học qua chơi; vui chơi theo ý thích với đồ chơi ngoài trời.*
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT64: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của một số nghề phổ biến xây dựng… khi được hỏi, xem tranh	- Tên gọi, sản phẩm ích lợi của của một số nghề phổ biến
MT65: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của một số nghề của quê hương Kim Sơn(Cây rau gia vị, con rươi, con cáy)	- Tên gọi, sản phẩm ích lợi của của một số nghề truyền thống ở địa phương. - Tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của một số sản phẩm đặc trưng quê hương Kim Sơn (Cây rau gia vị, con rươi, con cáy)
- Nhận biết một số lễ hội danh lam thắng cảnh	
MT66: Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết Trung thu …qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Tên gọi, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm - *Trẻ biết về ngày khai giảng, tết trung thu*

	- Trẻ biết về lễ hội đình chùa khu Cổ Giao: Kim Sen; Gia Mô; Nhuệ Hồ.
MT67: Trẻ có thể biết tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương(*Di tích lịch sử nhà Trần; lễ hội chùa Ngọa Vân; Đền An Sinh; Chùa Quỳnh Lâm*) *- Trẻ kể tên được một số danh lam thắng cảnh của các địa phương khác như:Vịnh Hạ Long, chùa Yên Tử*
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
Nghe hiểu lời nói	
MT68: Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản, Ví dụ: " Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ"	- Nghe, hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản - Phản hồi bằng cử chỉ và trả lời bằng 1-2 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên;
MT69: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả…	- Nghe, hiểu được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, thể hiện gần gũi, quen thuộc.
MT70: Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại.	-Lắng nghe người khác nói, nghe và hiểu rõ thông tin (yêu cầu, chỉ báo)
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT71: Trẻ biết nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng việt - Nói rõ ràng
MT72: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm…	- Nghe sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động
MT73: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?", "Cái gì?", "ở đâu?",

	"Khi nào?"
MT74: Trẻ biết kể lại những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim….	- Kể lại được sự việc
MT75: Trẻ đọc thuộc bài thơ đồng dao, ca dao	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
MT76: Trẻ biết lắng nghe truyện, kể lại truyện đơn giản đã được nghe, được xem	- Lắng nghe truyện. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe
MT77: Bắt chước giọng nói của nhận vật trong truyện	- Nghe sử dụng các từ biểu cảm - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên
MT 78: Trẻ có thể kể chuyện theo tranh.	- Mô tả sự vật , tranh ảnh có sự giúp đỡ - Kể chuyện theo tranh, ảnh (sáng tạo)
MT79: Trẻ sử dụng được các từ: vâng ạ".." Dạ": " Thưa".. trong giao tiếp.	- Nghe sử dụng các từ biểu thị, lễ phép(thưa, gửi khi xin phép, biết xưng hô …)
MT80: Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp Mạnh dạn, điều chỉnh giọng phù hợp: Không la hét, nói quá to hay lí nhí. Giơ tay trong giờ học khi muốn nói, chờ tới lượt nói.
Làm quen với việc đọc và viết	
MT81: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
MT82: Trẻ biết cầm sách để xem.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện - Giữ gìn, bảo vệ sách - Được tiếp xúc với chữ viết, sách truyện - Làm quen với cách đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới

MT83: Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ
MT84: Trẻ thích vẽ, "viết" nghệch ngoạc.	- Làm quen với cách viết tiếng việt - Hướng viết của các nét chữ
MT85: Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống,	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ, …) *- Nhận ra kí hiệu nhà vệ sinh dành cho bé trai hoặc bé gái qua hình ảnh*
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
Thể hiện ý thức về bản thân	
MT86: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính - Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân *- Yêu thương bản thân; Tôn trọng sở thích, trân trọng cơ thể của mình và của người khác.*
MT87: Trẻ nói được điều bé thích hay không thích	- Những điều bé thích, không thích.
Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT88: Trẻ thể hiện mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi	- Tham gia các hoạt động múa hát, tập thể dục, chơi đồ chơi… cùng bạn - Trả lời câu hỏi của cô giáo
MT89: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi…)	- Chấp nhận sự phân công của người lớn - Thực hiện công việc đơn giản được cô giáo giao
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh	
MT90: Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói
MT91: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động
MT92: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ
MT93: Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT94: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)
MT95: Trẻ biết yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột	- Yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột *- Trẻ được sống chung với cả bố và mẹ trong tình yêu thương.*
MT96: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở…	- Có cử chỉ, lời nói lễ phép(chào hỏi, cảm ơn) - Nhận biết những hành vi đúng, sai, tốt, xấu. *- Biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi bằng tiếng anh như " hello", "Good bye" ; Thanks "Sory"…*
MT97: Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác
MT98: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn - Chờ đến lượt *- Trẻ được bày tỏ ý kiến khi chơi, tôn trọng ý kiến đề xuất, phân vai chơi của trẻ, tôn trọng, lắng nghe, đoàn kết, chia sẻ đồ chơi cùng bạn.*
Quan tâm đến môi trường	
MT99: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối, con vật.
MT100: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường không vứt rác bừa bãi.
MT101: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt	- Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt

quạt, tắt điện khi ra ngoài	
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật	
MT102: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
MT103: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ: thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau - Có thái độ vui tươi, thích thú hoặc buồn…thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm của bài hát, bản nhạc, thơ, ca dao, tục ngữ, hò vè *- Trẻ nghe nhạc các vùng miền khác nhau: Nhạc dân ca quan họ Bắc Ninh; Nhạc dân ca Nam Bộ; Tuồng; Chèo*
MT104: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm tạo hình
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT105: Trẻ hát tự nhiện, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát, hát tự nhiên
MT106: Trẻ thực hiện vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc(vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu của bài hát, bản nhạc. *- Sử dụng bộ gõ cơ thể với những bản nhạc nước ngoài, dân ca*
MT107: Trẻ biết sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm
MT108: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản, biết tô màu theo sự hướng	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản, biết tô màu theo sự hướng dẫn.
MT109: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT110: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có một khối hoặc hai khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT111: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT112: Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật(Âm nhạc, tạo hình)	
MT113: Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc, *nhạc dân ca, nhạc nước ngoài*
MT114: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích - Thiết kế 1 số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày theo chủ đề
MT115: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Biết giữ gìn sản phẩm - Đặt tên cho sản phẩm của mình
MT116: Trẻ có thể cùng cô nhận dạng, phát âm được 1 số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt	- Nhận dạng, phát âm chữ cái(a, ă, â, *o,ô,ơ*) qua trò chơi - Trò chơi chữ cái
MTPT117 : Trẻ tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin	**- Kỹ năng sử dụng máy tính trong chơi trò chơi**
MT117.1. Nhận ra, gọi tên đúng các thiết bị số(máy tính, bàn phím, màn hình, chuột)	- Nhận biết, gọi tên thiết bị số(máy tính, bàn phím, màn hình, chuột)

MT117.2. Biết 1 số thao tác trên thiết bị số, Nhận ra ký hiêu (biểu tượng) của phần mềm trò chơi, nhận biết về kích thước, cách sắp xếp, số đếm, tạo hình, Xác định được vị trí..làm theo yêu cầu	- Làm quen với 1 số thao tác trên thiết bị số - Nhận biết hình ảnh(ký hiêu, biểu tượng) của phần mềm Kidsmat trên máy tính - Thực hành thao tác mở trên biểu tượng trò chơi Kidsmat - Trò chơi " nhỏ, vừa và lớn ";" Ngôi nhà chuột"; Máy đếm số; Tạo ra con côn trùng ; Xưởng làm bánh -Đồng hồ lịch : Học về đơn vị thời gian khi bạn di chuyển tiến lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây

2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch:

- Thuận lợi:

+ Mục tiêu:

.....

.....

.....

.....

.....

+ Nội dung

.....

.....

.....

.....

.....

+ Điều kiện thực hiện:

.....

.....

.....

.....

.....

- Khó khăn

+ Mục tiêu:

.....

.....

.....

.....

+ Nội dung

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

+ Điều kiện thực hiện:

+ Nguyên nhân:

3. Dự kiến kế hoạch chủ đề và thời gian thực hiện : Từ 5/09/2024-23/05/2025

HỌC KỲ I

(Thời gian từ 05 /09/2024 đến 10/01/2025)

Stt	Tuần	Tên chủ đề	Các sự kiện	Thời gian thực hiện
1	**Trường mầm non Kim Sơn của bé** **Thời gian thực hiện 4 tuần (Từ 05/09/2024 đến 04/10/2024)**			
	Tuần 1	Trường mầm non Kim Sơn	*Ngày Quốc Khánh 02/9 - Khai giảng ;*	*1 tuần(Từ 05/09/2024 đến 13/09/2024)*
	Tuần 2	Bé vui đón tết Trung thu	*Tết trung thu*	*1 tuần(Từ 16/09/2024 đến 20/09/2024)*
	Tuần 3	Lớp mẫu giáo 3 Tuổi D		*1 tuần(Từ 23/09/2024 đến 27/09/2024)*
	Tuần 4	Cô giáo và các bạn		*1 tuần(Từ 30/09/2024 đến 04/10/2024)*
2	**Bé khám phá về bản thân** ***Thời gian thực hiện 3 tuần (Từ 07/10/2024 đến 25/10/2024)***			
	Tuần 5	Bé giới thiệu về mình		1 tuần (từ 07/10/2024 đến 11/10/2024)
	Tuần 6	Bé khám phá về cơ thể	*Ngày PNVN 20/10*	1 tuần (từ 14/10/2024 đến 18/10/2024)
	Tuần 7	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh		1 tuần (từ 21/10/2024 đến 25/10/2024)
3	**Mời bạn đến thăm gia đình tôi** **3 tuần (Từ 28/10/2024 đến 15/11/2024)**			
	Tuần 8	Những người thân yêu trong gia đình bé.		1 tuần (từ 28/10/2024 đến 01/11/2024)

	Tuần 9	Mời bạn đến thăm nhà của tôi		1 tuần (từ 04/11/2024 đến 08/11/2024)
	Tuần 10	Đồ dùng trong gia đình của bé		1 tuần (từ 11/11/2024 đến 15/11/2024)
4	**Lớn lên bé thích nghề gì? 4 tuần (Từ 18/11/2024 đến 13/12/2024)**			
	Tuần 11	Nghề dạy học	*Ngày nhà giáo VN 20/11*	1 tuần (từ 18/11/2024 đến 22/11/2024)
	Tuần 12	Nghề xây dựng		1 tuần (từ 25/11/2024 đến 29/11/2024)
	Tuần 13	Nghề dịch vụ		1 tuần (từ 02/12/2024 đến 06/12/2024)
	Tuần 14	Nghề đặc trưng của phường Kim Sơn		1 tuần (từ 09/12/2024 đến 13/12/2024)
5	**Động vật xung quanh bé 4 tuần (Từ 16/12/2024 đến 10/01/2025)**			
	Tuần 15	Những con vật nuôi trong gia đình	*Ngày TLQĐND Việt Nam 22/12*	1 tuần (từ 16/12/2024 đến 20/12/2024)
	Tuần 16	Con vật sống dưới nước		1 tuần (từ 23/12/2024 đến 27/12/2024)
	Tuần 17	Con vật sống trong rừng		1 tuần (từ 30/12/2024 đến 03/01/2025)
	Tuần 18	Một số loại côn trùng		1 tuần (từ 06/01/2025 đến 10/01/2025)
HỌC KỲ II (Thời gian từ 13/01/2025 đến 23/05/2025)				
Tết và mùa xuân 3 tuần (Từ 13/01/2025 đến 14/02/2025)				
6	Tuần 19	Không khí ngày tết		1 tuần (Từ 13/01/2025 đến 17/01/2025)
	Tuần 20	Bé vui đón tết	Tết Nguyên Đán	1 tuần (Từ 20/01/2025 đến 24/01/2025)
	NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN (Thời gian nghỉ từ 27/01/2025(tức 28 tháng chạp âm lịch) đến hết ngày 07/02/2025 (tức 10 tháng giêng âm lịch)			
	Tuần 21	Mùa xuân đến rồi		1 tuần (Từ 10/02/2025 đến 14/02/2025)
7	**Thế giới thực vật *4 tuần (Từ 17/02/2025 đến 14/03/2025)***			
	Tuần 22	Bé yêu cây xanh		1 tuần (từ 17/02/2025 đến 21/02/2025)
	Tuần 23	Nông trại rau, củ		1 tuần (từ 24/02/2025 đến 28/02/2025)
	Tuần 24	Hoa đẹp quanh bé	*Ngày quốc tế phụ nữ 8/3*	1 tuần(từ 03/03/2025 đến 07/03/2025)
	Tuần 25	Trái cây bốn mùa		1 tuần(từ 10/03/2025 đến 14/03/2025)
8	**Nước và các hiện tượng tự nhiên *3 tuần(Từ 17/03/2025 đến 04/04/2025)***			
	Tuần 26	Bé khám phá về nước		1 tuần(từ 17/03/2025 đến 21/03/2025)
	Tuần 27	Bé khám phá về đất, đá, cát, sỏi		1 tuần(từ 24/03/2025 đến 28/03/2025)
	Tuần 28	Các hiện tượng tự nhiên		1 tuần(từ 31/03/2025 đến 04/04/2025)
9	**Bé với an toàn giao thông 4 tuần(*Từ 07/04/2025 đến 02/05/2025*)**			
	Tuần 29	Một số quy định an toàn giao thông đường bộ		1 tuần(từ 07/04/2025 đến 11/04/2025)
	Tuần 30	Bé khám phá PTGT đường bộ		1 tuần(từ 14/04/2025 đến 18/04/2025)
	Tuần 31	Bé khám phá PTGT đường thủy		1 tuần(từ 21/04/2025 đến 25/04/2025)
	Tuần 32	Bé khám phá PTGT đường sắt và đường hàng không	*Ngày GPMN 30/4 và QTLĐ 1/5*	1 tuần(từ 28/04/2025 đến 02/05/2025)

10	**Quê hương - Đất nước - Bác Hồ** **3 tuần(*Từ 05/05/2025 đến 23/05/2025)***			
	Tuần 33	Thành phố Đông Triều bé yêu		1 tuần(từ 05/05/2025 đến 09/05/2025)
	Tuần 34	Đất nước Việt Nam diệu kỳ		1 tuần(từ 12/05/2025 đến 16/05/2025)
	Tuần 35	Bác Hồ kính yêu.	*- Ngày sinh nhật Bác 19/05*	1 tuần(từ 19/05/2025 đến 23/05/2025)
Tổng	**35 tuần – 10 chủ đề.**			

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của lớp mẫu giáo 3 tuổi D đã được tổ chuyên môn và nhà trường xác nhận, giáo viên nhóm lớp nghiêm túc thực hiện./

Kim Sơn, ngày 25 tháng 08 năm 2024

Xác nhận của nhà trường	**Xác nhận của tổ Chuyên môn**	**Giáo viên thực hiện kế hoạch**	
P. HIỆU TRƯỞNG	**TỔ TRƯỞNG**		
Vũ Thị Hồng Thanh	**Nguyễn Thị Tươi**	**Trần Bảo Phượng**	**Phạm Thị Kim Oanh**